

Số: 45 /2024/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 270/TTr - TNMT ngày 14/10/2024; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 304/BC-STP ngày 11/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo khoản 2 Điều 46 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan khác có liên quan trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức, cá nhân theo Điều 4 Luật Đất đai năm 2024.

Điều 3. Tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất dưới 02 ha đối với đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác.

- Có phương án trồng rừng thay thế hoặc văn bản hoàn thành trách nhiệm nộp tiền trồng rừng thay thế theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp đối với đất rừng;

2. Có phương án sử dụng tầng đất mặt theo quy định của pháp luật về trồng trọt đối với đất lúa.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì cùng các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Quyết định này; tổng hợp, báo cáo, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý, giải quyết các vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan:

Có trách nhiệm phối hợp, tham gia trong quá trình tổ chức tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tổ chức thực hiện Quyết định này theo thẩm quyền.

4. Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư.

Có trách nhiệm chấp hành các nội dung của quy định tại Quyết định này; phản ánh kịp thời đến các cơ quan có thẩm quyền những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn cụ thể hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CT, P1, P3;
- Như Điều 5 (thực hiện);
- V0, V1, QH2, QLĐĐ1-3;
- Lưu: VT, QLĐĐ1;
- 04 bản, QĐ72.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Cường